

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I
MÔN: SINH HỌC 11 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT

Chủ đề	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	NLC	Đ/S	TL
Trao đổi chất và chuyển hóa lượng ở sinh vật	Dinh dưỡng và tiêu hoá ở động vật	Thông hiểu - Trình bày được quá trình dinh dưỡng bao gồm: lấy thức ăn; tiêu hoá thức ăn; hấp thu chất dinh dưỡng và đồng hoá các chất. - Dựa vào sơ đồ (hoặc hình ảnh), trình bày được hình thức tiêu hoá ở động vật chưa có cơ quan tiêu hoá; - Dựa vào sơ đồ (hoặc hình ảnh), trình bày được hình thức tiêu hoá ở động vật có túi tiêu hoá; - Dựa vào sơ đồ (hoặc hình ảnh), trình bày được hình thức tiêu hoá ở động vật động vật có ống tiêu hoá.	2	1	
		- Vận dụng Giải thích được vai trò của việc sử dụng thực phẩm sạch trong đời sống con người.	1		1
	Hô hấp và trao đổi khí ở động vật	Thông hiểu - Dựa vào hình ảnh, sơ đồ, trình bày được các hình thức trao đổi khí: qua bề mặt cơ thể; ống khí; mang; phổi. - Phân tích được vai trò của hô hấp ở động vật: trao đổi khí với môi trường và hô hấp tế bào.	1		1
		Vận dụng - Giải thích được một số hiện tượng trong thực tiễn, ví dụ: nuôi tôm, cá thường cần có máy sục khí oxygene, nuôi ếch chú ý giữ môi trường ẩm ướt,... - Giải thích được kế hoạch thể dục, thể thao nhằm bảo vệ và phát triển hệ hô hấp ở người. - Trình bày được quan điểm của bản thân về việc xử phạt người hút thuốc lá ở nơi công cộng và cấm trẻ em dưới 16 tuổi hút thuốc lá.	2	1	

	Vận chuyển các chất trong cơ thể động vật/tuần hoàn ở động vật	Nhận biết - Nêu được một số dạng hệ vận chuyển ở các nhóm động vật khác nhau. - Trình bày được khái quát hệ vận chuyển trong cơ thể động vật. - Trình bày được cấu tạo của tim. - Trình bày được hoạt động của tim. - Nêu được hoạt động tim mạch được điều hoà bằng cơ chế thần kinh. - Nêu được hoạt động tim mạch được điều hoà bằng cơ chế thể dịch. - Kể được các bệnh thường gặp về hệ tuần hoàn.	2		1
		Thông hiểu - Dựa vào hình ảnh, sơ đồ, mô tả được cấu tạo của hệ mạch. - Dựa vào hình ảnh, sơ đồ, mô tả hoạt động của hệ mạch. - Mô tả được quá trình vận chuyển máu trong hệ mạch (huyết áp, vận tốc máu và sự trao đổi chất giữa máu với các tế bào). - Dựa vào hình ảnh, sơ đồ, phân biệt được các dạng tuần hoàn ở động vật: tuần hoàn kín và tuần hoàn hở; - Dựa vào hình ảnh, sơ đồ, phân biệt được các dạng tuần hoàn ở động vật: tuần hoàn đơn và tuần hoàn kép. - Trình bày được sự phù hợp giữa cấu tạo và chức năng của tim.	2		1
		Vận dụng - Giải thích được khả năng tự phát nhịp gây nên tính tự động của tim, cấu tạo của hệ mạch, tim.	2		
	Miễn dịch ở động vật	Nhận biết - Phát biểu được khái niệm miễn dịch - Mô tả được khái quát về hệ miễn dịch ở người: các tuyến và vai trò của mỗi tuyến. - Nêu được các nguyên nhân bên gây nên các bệnh ở động vật và người. - Nêu được bên ngoài gây nên các bệnh ở động vật và người.	1		1
		Thông hiểu - Phân biệt được miễn dịch không đặc hiệu và miễn dịch đặc hiệu. - Trình bày được cơ chế mắc bệnh và cơ chế chống bệnh ở động vật.	1	1	

		- Trình bày được quá trình phá vỡ hệ miễn dịch của các tác nhân gây bệnh trong cơ thể người bệnh: HIV, ung thư, tự miễn. - Phân tích được vai trò của việc chủ động tiêm phòng vaccine.			
	Bài tiết và cân bằng nội môi	Nhận biết - Phát biểu được khái niệm bài tiết. - Trình bày được vai trò của bài tiết. - Kể tên được một số cơ quan tham gia điều hoà cân bằng nội môi và hằng số nội môi cơ thể. - Nêu được khái niệm nội môi. - Nêu được khái niệm cân bằng động	1		1
		Thông hiểu - Lấy được ví dụ ở người về các chỉ số cân bằng pH. - Lấy được ví dụ ở người về các chỉ số cân bằng đường. - Lấy được ví dụ ở người về các chỉ số cân bằng nước. - Trình bày được vai trò của thận trong bài tiết và cân bằng nội môi. - Dựa vào sơ đồ, giải thích được cơ chế chung điều hoà nội môi.	1		
Tổng câu			16	3	6

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT BÌNH CHIỂU

MÃ ĐỀ: 931
(Đề thi có 04 trang)

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I - NĂM HỌC: 2025 - 2026

MÔN : SINH HỌC – KHỐI 11

Ngày kiểm tra: 29/12/2025

Thời gian làm bài: 45 phút

(Không tính thời gian phát đề)

Họ và tên: Số báo danh:

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN (4.0 điểm)

Câu 1: Khi nói về hệ tuần hoàn kép của Thú ở hình bên, có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?

1. Máu đi nuôi cơ thể là máu đỏ tươi (giàu O₂).
2. Tim có 4 ngăn, 2 vòng tuần hoàn.
3. Tâm thất co bơm máu vào động mạch chủ hoặc động mạch phổi.

4. Máu sau khi trao đổi khí ở phổi được thu về tim và bơm đi vào động mạch chủ.

- A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 2: Tại sao một số người mắc hội chứng không dung nạp lactose thì không thể tiêu hóa được sữa?

- A. Do cơ thể sản xuất quá nhiều enzyme lactase gây ức chế sự tiêu hóa sữa.
B. Do sữa làm ngăn cản quá trình tiêu hóa cơ học trong ruột non.
C. Do cơ thể không có enzyme lactase – enzyme thủy phân lactose.
D. Do cơ thể không có enzyme pepsin – enzyme thủy phân lactose.

Câu 3: Phát biểu nào **sai** khi nói về phản ứng dị ứng?

- A. Dị ứng là phản ứng quá mức của cơ thể đối với kháng nguyên nhất định.
B. Chất gây ra triệu chứng dị ứng chủ yếu là histamine.
C. Tất cả các phản ứng dị ứng đều là sốc phản vệ.
D. Các triệu chứng phổ biến khi bị dị ứng là mẩn ngứa, hắt hơi, sổ mũi, khó thở,...

Câu 4: Miễn dịch đặc hiệu gồm

- A. miễn dịch dịch thể và miễn dịch tế bào.
B. hàng rào bảo vệ vật lý, hóa học và các đáp ứng không đặc hiệu.
C. hàng rào bề mặt cơ thể và hàng rào bên trong cơ thể.
D. đại thực bào, viêm, sốt, tạo peptide, protein chống lại mầm bệnh.

Câu 5: Chức năng quan trọng nhất của hệ tuần hoàn là

- A. vận chuyển các chất từ nơi này đến nơi khác trong cơ thể. B. duy trì cân bằng nội môi.
C. điều hoà nhiệt độ. D. bảo vệ cơ thể chống bệnh tật.

Câu 6: Khi tìm hiểu về cơ chế điều hòa cân bằng nội môi. Có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?

I. Các thụ thể, cơ quan thụ cảm tiếp nhận kích thích từ môi trường (trong, ngoài)

II. Tiếp nhận kích thích là thụ thể, cơ quan thụ cảm sẽ tiếp nhận kích thích từ môi trường và hình thành xung thần kinh truyền về bộ phận điều khiển

III. Bộ phận điều khiển là các cơ quan: thận, gan, phổi, tim, mạch máu...

IV. Bộ phận đáp ứng nhận tín hiệu thần kinh từ cơ quan điều khiển và tăng hoặc giảm hoạt động và biến đổi các điều kiện lí hóa của môi trường và đưa môi trường trở về trạng thái cân bằng, ổn định.

- A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 7: Một người có sức khỏe bình thường, sau khi chủ động thở nhanh và sâu một lúc thì người này lặn được lâu hơn. Giải thích nào sau đây là đúng?

- A. Khi chủ động thở nhanh và sâu, thì thể tích phổi tăng lên, dự trữ được nhiều khí O₂ trong phổi.
B. Khi chủ động thở nhanh và sâu, thì tất cả hoạt động của các cơ quan khác giảm nên giảm tiêu hao năng lượng giúp tích trữ năng lượng khi lặn.

C. Chủ động thở nhanh và sâu làm giảm hàm lượng CO_2 trong máu làm chậm kích thích lên trung khu hô hấp.

D. Chủ động thở nhanh và sâu giúp loại hoàn toàn CO_2 trong máu làm chậm kích thích lên trung khu hô hấp.

Câu 8: Bệnh **không** phải là bệnh hô hấp ở đường dẫn khí là

- A. viêm mũi. B. viêm khí quản C. viêm xoang. D. viêm phổi.

Câu 9: Ở trạng thái gắng sức thì so với người bình thường, vận động viên có đặc điểm một chu kì tim như thế nào?

- A. Nhịp tim chậm hơn và lượng máu được bơm vào mỗi ngăn tim lớn hơn.
B. Nhịp tim nhanh hơn và lượng máu được bơm vào mỗi ngăn tim lớn hơn.
C. Nhịp tim nhanh hơn và lượng máu được bơm vào mỗi ngăn tim bé hơn.
D. Nhịp tim chậm hơn và lượng máu được bơm vào mỗi ngăn tim bé hơn.

Câu 10: Chim có hình thức hô hấp nào?

- A. Hô hấp bằng phổi. B. Hô hấp bằng hệ thống túi khí và phổi.
C. Hô hấp bằng mang. D. Hô hấp qua bề mặt cơ thể.

Câu 11: Một học sinh đưa ra giải thích câu nói “Máu ở tĩnh mạch phổi có nồng độ O_2 cao hơn so với máu ở tĩnh mạch chủ”. Có bao nhiêu giải thích sau đúng?

- I. Tĩnh mạch chủ là dòng máu đi từ các cơ quan về tim nên nghèo oxygen.
II. Tĩnh mạch phổi là dòng máu đi từ mao mạch phổi về tim nên giàu oxygen.
III. Tĩnh mạch chủ là dòng máu về tim nên nghèo oxygen.
IV. Tĩnh mạch phổi là dòng máu đi đến phổi.

- A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 12: Bọt biển tiêu hóa thức ăn bằng hình thức nào?

- A. tiêu hoá nội bào. B. tiêu hoá ngoại bào.
C. tiêu hoá nội bào → tiêu hoá ngoại bào. D. tiêu hoá nội bào kết hợp với ngoại bào

Câu 13: Phát biểu nào **không** đúng khi nói về bệnh ung thư?

- A. Ung thư có thể làm suy yếu hệ miễn dịch theo nhiều cách khác nhau.
B. Khi tế bào ung thư di chuyển vào tủy xương và hình thành khối u ác tính trong tủy xương, gây cản trở chức năng sản sinh tế bào máu.
C. Việc sử dụng các liệu pháp điều trị như hóa trị hoặc xạ trị giúp tăng cường khả năng miễn dịch của người bệnh.
D. Các tế bào ung thư có thể tách ra khỏi khối u mà di chuyển đến các vị trí khác trong cơ thể hình thành khối u ác tính mới, gọi là di căn.

Câu 14: Nhóm động vật nào sau đây có hệ tuần hoàn hở.

- A. Lưỡng cư, bò sát, chim, thú. B. Cá, lưỡng cư. C. Côn trùng. D. Cá và thú.

Câu 15: Tim tách rời khỏi cơ thể vẫn có khả năng co dẫn nhịp nhàng là do:

- A. Được cung cấp đủ chất dinh dưỡng, oxy và nhiệt độ thích hợp.
B. Tim co dẫn nhịp nhàng theo chu kì.

C. Tim có hệ thống nút có khả năng tự phát xung điện.

D. Tim có hệ điều khiển riêng, không liên quan gì đến cơ thể

Câu 16: Thức ăn đang nhai ở miệng thì đang xảy ra tiêu hóa nào?

A. Cơ học và hóa học

B. Chỉ cơ học

C. Ngoại bào

D. Chỉ hóa học

PHẦN II: TRẮC NGHIỆM ĐÚNG/SAI (3.0 điểm)

Câu 1: Khi nói về tiêu hóa ở động vật, các nhận định sau đây là **Đúng** hay **Sai**?

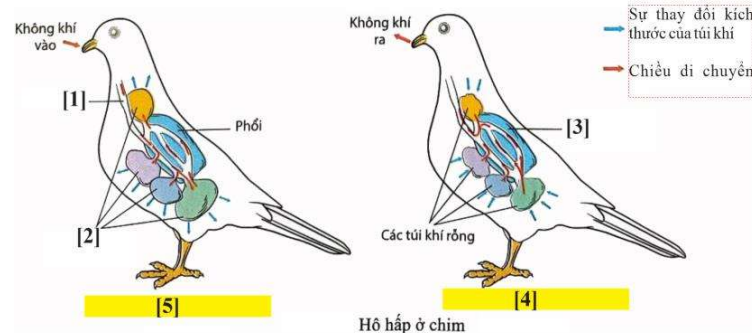
a) Nhóm động vật tiêu hóa ngoại bào chỉ xảy ra tiêu hóa hóa học.

b) Từ ngành ruột khoang, giun dẹp trở lên đến động vật có xương sống đã tiêu hóa ngoại bào.

c) Nhóm động vật tiêu hóa nội bào có tiêu hóa cơ học và tiêu hóa hóa học.

d) Vi khuẩn, động vật nguyên sinh chỉ có hình thức tiêu hóa nội bào.

Câu 2: Thực tế và hình dưới đây cho thấy “hệ hô hấp của của chim trao đổi khí với không khí hiệu quả nhất”. Các nhận định sau đây **Đúng** hay **Sai**?



a) Phổi chim có hiện tượng dòng máu của mao mạch chảy song song và ngược chiều với dòng khí.

b) Phổi chim có túi khí trước và sau thông với nhau bởi hệ thống lỗ thở.

c) Do phổi được tạo thành từ hàng triệu phế nang nên diện tích bề mặt trao đổi khí rất lớn.

d) Phổi có hệ thống túi khí và không có phế nang, rất nhiều ống khí rất nhỏ tạo nên là mao mạch khí giúp luồng không khí lưu thông rất tốt mà không có khí cặn tồn đọng lại.

Câu 3: Cho các tình huống dưới đây về vai trò của vaccine và tiêm phòng bệnh, dịch. Em hãy cho biết nhận định các tình huống dưới đây **Đúng** hay **Sai**?

a) Một phụ nữ mang thai lo ngại và quyết định không tiêm phòng vaccine cúm vì cho rằng sẽ ảnh hưởng xấu đến sự phát triển của thai nhi.

b) Một người đàn ông cho rằng việc tiêm phòng cúm hàng năm là không cần thiết vì một khi đã tiêm phòng thì sẽ được bảo vệ suốt đời.

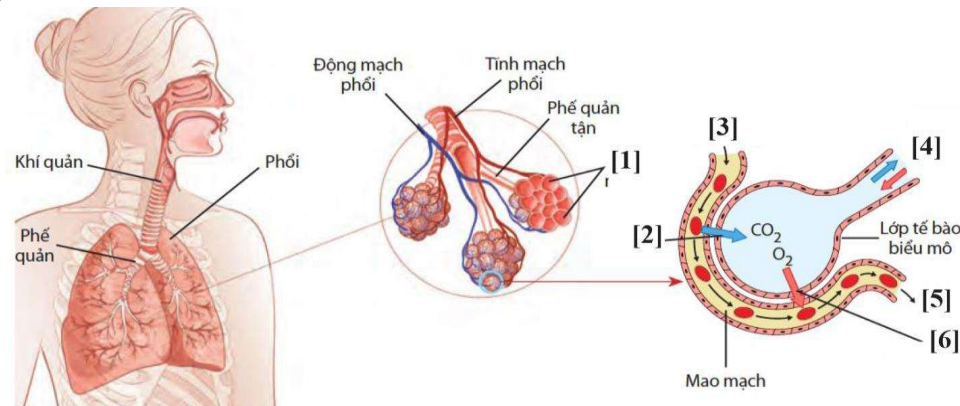
c) Một cộng đồng có tỷ lệ tiêm phòng vaccine bạch hầu thấp. Một trường hợp bệnh bạch hầu được phát hiện trong cộng đồng này sẽ gây nguy cơ cao bùng phát dịch bệnh.

d) Một người cha chưa từng tiêm vaccine thủy đậu quyết định tiêm phòng khi biết rằng con của mình vừa mắc bệnh này. Điều này có thể giúp người cha đó ngăn ngừa bệnh thủy đậu.

PHẦN III. TỰ LUẬN (3.0 điểm)

Câu 1: Hãy kể tên các hoạt động gây biến đổi hóa học thức ăn ở khoang miệng?

Câu 2: Hình dưới đây minh họa hệ hô hấp ở người và cấu tạo của phế nang. Vị trí số mấy thể hiện sự khuếch tán của CO_2 từ máu vào phế nang để đưa ra ngoài môi trường?



Câu 3: Ở người trưởng thành, giá trị huyết áp tối đa bình thường trong khoảng 90 – 140 mmHg, huyết áp tối thiểu thường trong khoảng 60 – 90 mmHg. Huyết áp tối đa thấp hơn chỉ số nào thì được coi là hạ huyết áp (huyết áp thấp)?

Câu 4: Nhịp tim của người là 50 lần/phút, giả sử thời gian các pha của chu kỳ tim lần lượt là 1:3:4. Trong một chu kỳ tim, thời gian tâm thất được nghỉ ngơi là bao nhiêu giây?

Câu 5: Khi nói về miễn dịch thể dịch gồm các phát biểu sau, hãy kể tên các phát biểu đúng?

- Miễn dịch thể dịch là miễn dịch sản xuất ra kháng nguyên.
- Kháng nguyên phản ứng đặc hiệu với kháng thể theo nguyên tắc khóa – chìa.
- Một kháng thể được hình thành có thể chống lại nhiều loại kháng nguyên xâm nhập.
- Miễn dịch thể dịch có tác dụng lớn trong việc chống lại các mầm bệnh tồn tại trong máu hoặc dịch cơ thể.
- Miễn dịch thể dịch đóng vai trò quan trọng tiêu diệt các bệnh do virus.

Câu 6 : Một người phụ nữ đi xét nghiệm có kết quả như sau:

Tên xét nghiệm	Chỉ số bình thường	Kết quả xét nghiệm
Tryglyceride	0,46 – 1,88 mmol/L	1

Cholesterol toàn phần	3,9 – 5,2 mmol/L	4,6
Glucose	3,9 – 6,4 mmol/L	7,5
Calcium	2,2 – 2,5 mmol/L	1,8
Urea	2,5 – 7,5 mmol/L	8,4
Critinine	Nam: 62 – 120 mmol/L, Nữ: 53 – 100 mmol/L	130
Protein toàn phần	65 – 80 g/L	58
Albumin	35 – 50 g/L	30
Bilirubin	3,4 – 17 μ mol/L	6,5
Uric acid	Nam: 180 – 420 mmol/L, Nữ: 180 – 360 mmol/L	530

Có bao nhiêu kết luận nào dưới đây là đúng? Giải thích.

- I. Bệnh nhân bị đái tháo đường biến chứng suy thận.
- II. Thận không đào thải được Uric acid nên nồng độ Uric acid tăng.
- III. Màng lọc cầu thận bị rộng nên phân tử protein đi vào nước tiểu làm nồng độ protein giảm.
- IV. Màng lọc cầu thận bị rộng nên phân tử albumin đi vào nước tiểu làm nồng độ albumin giảm.
- V. Khả năng thải creatinine của thận giảm nên nồng độ creatinine trong máu tăng.

-----HẾT-----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT BÌNH CHIỂU

MÃ ĐỀ: 246
(Đề thi có 04 trang)

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I - NĂM HỌC: 2025 - 2026

MÔN : SINH HỌC – KHỐI 11

Ngày kiểm tra: 29/12/2025

Thời gian làm bài: 45 phút

(Không tính thời gian phát đề)

Họ và tên: Số báo danh:

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN (4.0 điểm)

Câu 1: Huyết áp là gì?

- A. Lực co bóp của tâm nhĩ đẩy máu vào mạch tạo nên huyết áp của mạch.

B. Là áp lực của máu tác động lên thành mạch.

C. Là áp lực của tâm thất đẩy máu vào mạch.

D. Lực co bóp của tim nhận máu từ tĩnh mạch tạo nên huyết áp của mạch.

Câu 2: Khi nói về đặc điểm của hệ tuần hoàn đơn ở cá, có bao nhiêu phát biểu sau đây **đúng**?

1. Máu đi nuôi cơ thể là máu đỏ tươi (giàu O_2).

2. Tim có 2 ngăn, 1 vòng tuần hoàn.

3. Tâm thất co bơm máu vào động mạch chủ.

4. Tâm nhĩ chứa máu đỏ tươi, tâm thất chứa máu đỏ thẫm (giàu CO_2).

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

Câu 3: Nếu bắt giun đất để lên mặt đất khô ráo giun sẽ nhanh chết vì

A. khi da giun bị khô thì O_2 và CO_2 không khuếch tán qua da được (tức là giun không hô hấp được nên bị chết).

B. khi sống ở mặt đất khô ráo da giun bị ánh nắng chiếu vào hơi nước trong cơ thể giun thoát ra ngoài, do đó giun nhanh chết vì thiếu nước.

C. thay đổi môi trường sống, giun là động vật đa bào bậc thấp không thích nghi được.

D. ở mặt đất khô nồng độ O_2 ở cạn cao hơn ở nước nên giun không hô hấp được.

Câu 4: Vì sao trong miệng có enzyme tiêu hóa tinh bột, nhưng chỉ rất ít tinh bột được biến đổi ở đây?

A. Thời gian thức ăn ở trong miệng quá ngắn.

B. Lượng enzym trong nước bọt quá ít.

C. Độ pH trong miệng không phù hợp cho enzyme hoạt động.

D. Thức ăn chưa được nghiền nhỏ để thấm đều nước bọt

Câu 5: Những ý **đúng** về những tác nhân gây ra bệnh hô hấp là:

I. Virus

II. Khí độc hại

III. Bụi

IV. Thức ăn bẩn;

V. Nicotine trong khói thuốc lá

A. I, II, III, IV

B. I, II, III, V

C. I, II, IV, V.

D. I, II, III.

Câu 6: Vì sao khi ở người lớn tuổi, khi huyết áp tăng cao dễ dẫn đến bị xuất huyết não?

A. Vì mạch bị xơ cứng nên không co bóp được, đặc biệt mạch ở não, khi huyết áp cao dễ làm vỡ mạch.

B. Vì mạch bị xơ cứng, tính đàn hồi kém, đặc biệt các mạch ở não, khi huyết áp cao dễ làm vỡ mạch.

C. Vì mạch bị xơ cứng, máu bị ứ đọng, đặc biệt các mạch ở não, khi huyết áp dễ làm vỡ mạch..

D. Vì thành mạch bị dày lên, tính đàn hồi kém, các mạch ở não, khi huyết áp cao dễ làm vỡ mạch.

Câu 7: Trường hợp sau đây được gọi là bệnh tự miễn?

A. Các đại thực bào tiêu huỷ các protein của virus và các tế bào bị lây nhiễm.

B. Các tế bào bạch cầu thực bào và tiêu huỷ tế bào hồng cầu.

C. Tế bào lympho T tiêu diệt vi khuẩn, virus xâm nhập vào cơ thể.

D. Lớp niêm mạc của da ngăn cản sự xâm nhập của vi khuẩn

Câu 8: Hệ tuần hoàn kín có ở nhóm động vật nào?

A. Chỉ có ở động vật có xương sống.

B. Chỉ có ở mực ống, bạch tuộc, giun đốt.

C. Chỉ có ở đa số động vật thân mềm và chân khớp.

D. Mực ống, bạch tuộc, giun đốt và động vật có Dây sống.

Câu 9: Trước khi tiêm một số loại kháng sinh người ta phải thử phản ứng dị ứng của cơ thể với kháng sinh vì

A. để xác định liều lượng kháng sinh cần tiêm cho bệnh nhân.

B. trong thành phần của thuốc có thể chứa dị nguyên, thử phản ứng dị ứng giúp tránh những phản ứng phụ không mong muốn sau khi tiêm.

C. để đảm bảo kháng sinh được cơ thể sử dụng chính xác khi tiêm vào cơ thể.

D. trong thành phần của thuốc có thể chứa kháng thể, thử phản ứng dị ứng giúp kiểm tra hoạt động của kháng thể trên cơ thể.

Câu 10: Khi nói về hệ hô hấp và hệ tuần hoàn ở động vật, có bao nhiêu phát biểu sau đây **đúng**?

I. Tất cả các động vật có hệ tuần hoàn kép thì phổi đều được cấu tạo bởi nhiều phế nang.

II. Ở tâm thất của cá và lưỡng cư đều có sự pha trộn giữa máu giàu O_2 và máu giàu CO_2 .

III. Trong hệ tuần hoàn kép, máu trong động mạch luôn giàu O_2 hơn máu trong tĩnh mạch.

IV. Ở thú, huyết áp trong tĩnh mạch thấp hơn huyết áp trong mao mạch.

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

Câu 11: Cơ quan nào dưới đây có chức năng tiêu hoá protein thành các peptide?

A. Dạ dày.

B. Ruột non.

C. Khoang miệng.

D. Mật.

Câu 12: Động vật đơn bào hay đa bào có tổ chức thấp (thủy tức, giun tròn, giun dẹp) có hình thức hô hấp như thế nào?

A. Hô hấp bằng mang.

B. Hô hấp bằng phổi.

C. Hô hấp bằng hệ thống ống khí.

D. Hô hấp qua bề mặt cơ thể.

Câu 13: Có bao nhiêu phát biểu sau đây **đúng** về cân bằng nội môi?

I. Trạng thái trong đó các điều kiện lí, hoá của môi trường trong cơ thể duy trì ổn định

II. Môi trường trong cơ thể duy trì ổn định đảm bảo cho các tế bào, cơ quan hoạt động bình thường.

III. Cân bằng nội môi là trạng thái cân bằng tĩnh nghĩa là các chỉ số của môi trường trong cơ thể có xu hướng không thay đổi.

IV. Sự ổn định về các điều kiện lí hoá của môi trường trong đảm bảo cho các tế bào, cơ quan trong cơ thể hoạt động bình thường, đảm bảo cho động vật tồn tại và phát triển.

A. 1.

B. 2.

C. 3.

D. 4.

Câu 14: Hệ dẫn truyền tim hoạt động theo trật tự là

A. nút xoang nhĩ → hai tâm nhĩ và nút nhĩ thất → bó His → mạng lưới Purkinje

- B. nút nhĩ thất → hai tâm nhĩ và nút xoang nhĩ → bó His → mạng lưới Purkinje
- C. nút xoang nhĩ → hai tâm nhĩ và nút nhĩ thất → mạng lưới Purkinje → bó His
- D. nút xoang nhĩ → hai tâm nhĩ → nút nhĩ thất → bó His → mạng lưới Purkinje

Câu 15: Thuỷ tức tiêu hóa thức ăn bằng hình thức nào?

- A. tiêu hoá nội bào.
- B. tiêu hoá ngoại bào.
- C. tiêu hoá nội bào hoặc tiêu hoá ngoại bào.
- D. tiêu hoá nội bào kết hợp với ngoại bào.

Câu 16: Miễn dịch đặc hiệu là phản ứng

- A. thể hiện đáp ứng giống nhau chống lại các tác nhân gây bệnh riêng biệt khi chúng xâm nhập vào cơ thể.
- B. đặc hiệu chống lại những mầm bệnh riêng biệt khi chúng xâm nhập vào cơ thể.
- C. thể hiện đáp ứng giống nhau chống lại các tác nhân gây bệnh khác nhau khi chúng xâm nhập vào cơ thể.
- D. đặc hiệu chống lại những mầm bệnh giống nhau khi chúng xâm nhập vào cơ thể.

PHẦN II: TRẮC NGHIỆM ĐÚNG/SAI (3.0 điểm)

Câu 1: Một học sinh khi so sánh tiêu hóa nội bào và ngoại bào đã đưa ra các nhận định giống nhau dưới đây là **Đúng hay Sai?**

- a) Điều là phân giải các chất phức tạp trong thức ăn thành các chất đơn giản.
- b) Điều có ở động vật có ống tiêu hoá.
- c) Điều thực hiện chung mục đích giúp cơ thể tiêu hóa được các chất dinh dưỡng trong thức ăn.
- d) Điều có sự tham gia của các enzyme tiêu hóa.

Câu 2: Cho sơ đồ trao đổi khí ở chim như sau: Môi trường ngoài → khí quản → (1) → phổi → (2) → khí quản → môi trường. Mỗi nhận định sau đây về sơ đồ trên là **Đúng hay Sai?**

- a) Khi hít vào O₂ sẽ theo khí quản tràn vào túi khí trước, đẩy không khí qua các ống khí trong phổi vào túi sau → cả 2 túi khí trước và sau đều phồng lên.
- b) Giống như người, trong phổi của chim cũng xuất hiện khí cặn.
- c) (1) là túi khí trước, (2) là túi khí sau.
- d) Chim là loài trên cạn hô hấp hiệu quả nhất do có hệ thống túi khí.

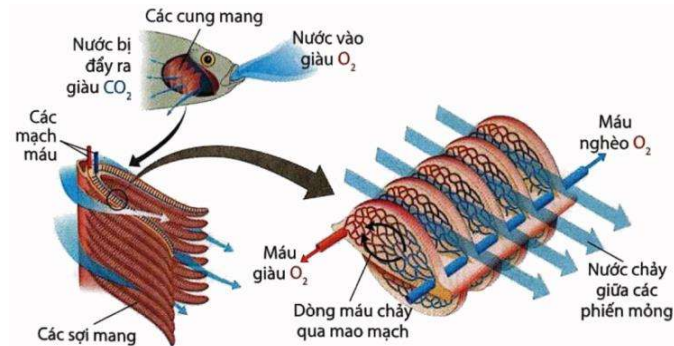
Câu 3: Dựa vào hiện tượng dị ứng của cơ thể, người ta có thể tiến hành thử phản ứng của cơ thể khi tiêm kháng sinh (hay vaccine) nhằm tránh phản ứng phản vệ của cơ thể (sốc phản vệ) với lại kháng sinh đó. Trong các nhận định sau, nhận định nào **Đúng hay Sai?**

- a) Thử phản ứng kháng sinh thường được thực hiện bằng cách tiêm một lượng nhỏ kháng sinh vào dưới da hoặc bắp tay.
- b) Một kết quả dương tính trong thử phản ứng với kháng sinh có nghĩa là bệnh nhân sẽ không thể sử dụng bất kỳ loại kháng sinh nào.
- c) Thử phản ứng với kháng sinh chỉ cần thiết cho những người có tiền sử dị ứng với bất kỳ loại thuốc nào.
- d) Thử phản ứng với kháng sinh là một biện pháp an toàn quan trọng để phòng ngừa sốc phản vệ.

PHẦN III: TỰ LUẬN (3.0 điểm)

Câu 1: Hãy kể tên các cơ chế hấp thụ chất dinh dưỡng ở ruột non?

Câu 2: Dưới đây là hình minh họa hô hấp ở cá, hãy cho biết những nhận định đúng?



I. Đây là quá trình trao đổi khí ở cá nhờ mang.

II. Máu chảy trong mao mạch theo hướng song song và cùng chiều với dòng nước.

III. Oxi từ dòng nước chảy liên tục qua mang vào mao mạch ở mang theo vòng tuần hoàn đến các tế bào.

IV. CO₂ do tế bào thải ra theo vòng tuần hoàn đến mao mạch ở mang khuếch tán ra dòng nước chảy liên tục qua mang.

Câu 3: Ở người trưởng thành, giá trị huyết áp tối đa bình thường trong khoảng 90 – 140 mmHg, huyết áp tối thiểu thường trong khoảng 60 – 90 mmHg. Huyết áp tối đa cao hơn chỉ số nào thì được coi là tăng huyết áp (huyết áp cao)?

Câu 4: Nhịp tim của nhé là 60 lần/phút, giả sử thời gian các pha của chu kì tim lần lượt là 1:3:4. Trong một chu kì tim, thời gian tâm nhĩ được nghỉ ngơi là bao nhiêu giây?

Câu 5: Trong giờ học, giáo viên đưa ra bài tập và yêu cầu học sinh sắp xếp các ý sau theo đúng trình tự của miễn dịch qua trung gian tế bào.

(1) Tế bào T độc tương tác với các trình diện kháng nguyên để trở nên hoạt hóa.

(2) Các tế bào T độc lưu hành trong máu và tiết ra độc tố tiêu diệt các tế bào nhiễm mầm bệnh.

(3) Tế bào T độc phân chia, tạo ra dòng tế bào T độc hoạt hóa và dòng tế bào T độc nhớ.

(4) Các tế bào T hỗ trợ tiết cytokine còn làm tế bào T độc hoạt hóa.

Có 4 bạn đưa ra cách sắp xếp như sau:

Cách số 1: (4), (1), (3), (2).

Cách số 2: (3), (2), (4), (1).

Cách số 3: (2), (1), (3), (4).

Cách số 4: (1), (4), (3), (2).

Theo em cách sắp xếp nào là đúng?

Câu 6: Một người phụ nữ đi xét nghiệm có kết quả như sau

Tên xét nghiệm	Chỉ số bình thường	Kết quả xét nghiệm
Tryglyceride	0,46 – 1,88 mmol/L	1
Cholesterol toàn phần	3,9 – 5,2 mmol/L	4,6

Glucose	3,9 – 6,4 mmol/L	7,5
Calcium	2,2 – 2,5 mmol/L	1,8
Urea	2,5 – 7,5 mmol/L	8,4
Critinine	Nam: 62 – 120 mmol/L Nữ: 53 – 100 mmol/L	130
Protein toàn phần	65 – 80 g/L	58
Albumin	35 – 50 g/L	30
Bilirubin	3,4 – 17 μ mol/L	6,5
Uric acid	Nam: 180 – 420 mmol/L Nữ: 180 – 360 mmol/L	530

Qua bảng kết quả xét nghiệm trên có thể kết luận người nói trên bị suy thận. Có bao nhiêu chỉ số không bình thường là kết quả của bệnh suy thận? Giải thích.

-----**HẾT**-----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT BÌNH CHIỂU

ĐÁP ÁN KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1
NĂM HỌC 2025 – 2026

Môn: Sinh học 11

Thời gian làm bài: 45 phút
(không kể thời gian phát đề)

ĐỀ 931

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN

Đề\câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
931	D	C	C	A	A	C	C	D	A	B	B	A	C	C	C	A

PHẦN II. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI

1a	1b	1c	1d	2a	2b	2c	2d	3a	3b	3c	3d
S	Đ	S	Đ	D	S	S	D	S	S	D	D

PHẦN III. TỰ LUẬN

Câu 1: Hoạt động của enzyme amylase trong nước bọt.

Câu 2: 2

Câu 3: Thấp hơn 90 mmHg

Câu 4:

Nội dung	Điểm
Thời gian của 1 chu kì tim : $50/(\text{Số nhịp tim/phút}) = 60/50 = 1,2$ giây Thời gian pha co tâm nhĩ: $(1/8) \times 1,2 = 0,15$ Thời gian pha co tâm thất $(4/8) \times 1,2 = 0,45$ Thời gian pha giãn chung: $(4/8) \times 1,2 = 0,6$	0.25
Thời gian tâm thất được nghỉ ngơi: $0,15 + 0,6 = 0,75$	0.25

Câu 5: II, IV, V

Câu 6:

Nội dung	Điểm
5	0.25
I. Đúng. Dấu hiệu Đái tháo đường là tăng cao và các số liệu về thận có thể kết luận là "Đái tháo đường biến chứng suy thận". II. Đúng. Thận là cơ quan chính đào thải Uric acid . Khi chức năng thận suy giảm (suy thận), khả năng đào thải Uric acid giảm dẫn đến nồng độ Uric acid trong máu tăng cao.	0.25

III. Đúng. Màng lọc cầu thận bị tổn thương và rộng ra (tăng tính thấm) sẽ cho phép các phân tử protein lớn (như Albumin) lọt qua và đi vào nước tiểu (Protein niệu). Mất protein qua nước tiểu là nguyên nhân chính làm nồng độ protein toàn phần trong máu giảm. IV. Đúng. Tương tự III, Albumin là protein nhỏ nhất và dồi dào nhất trong máu. Màng lọc bị rộng làm Albumin lọt ra ngoài (Albumin niệu), dẫn đến nồng độ Albumin trong máu giảm. V. Đúng. Creatinine là sản phẩm thải được thận lọc gần như hoàn toàn. Khả năng thải Creatinine của thận giảm (dấu hiệu suy thận) sẽ làm nồng độ Creatinine trong máu tăng cao là một chỉ số quan trọng để đánh giá mức lọc cầu thận.	
---	--

ĐỀ 246

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN

Đề\câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
246	B	B	A	A	B	B	B	D	B	A	A	D	C	D	D	B

PHẦN II. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI

1a	1b	1c	1d	2a	2b	2c	2d	3a	3b	3c	3d
D	S	Đ	D	S	S	S	D	D	S	S	D

PHẦN III. TỰ LUẬN

Câu 1:

1. Cơ chế thực bào, ẩm bào. 2. Cơ chế thẩm thấu (thụ động) 3. Cơ chế khếch tán (thụ động)	Liệt kê 1 trong 3 cơ chế dưới đây là được tối đa điểm.
---	--

Câu 2: I, III, IV

Câu 3: Trên 140 mmHg

Câu 4:

Nội dung	Điểm
Thời gian của 1 chu kì tim : $60/(\text{Số nhịp tim/phút}) = 60/60 = 1$ giây Thời gian pha co tâm nhĩ: $(1/8) \times 1 = 1/8 = 0,125$ Thời gian pha co tâm thất $(3/8) \times 1 = 0,375$ Thời gian pha giãn chung: $(4/8) \times 1 = 4/8 = 0,5$	0.25
Thời gian tâm nhĩ được nghỉ ngơi: $0,375 + 0,5 = 0,875$	0.25

Câu 5: Cách số 4

Câu 6:

Nội dung	Điểm
6	0.25

- Urea (8,4 mmol/L) và Creatinine (130 μmol/L) Tăng cao do thận suy giảm khả năng lọc và đào thải các chất thải chuyển hóa. - Protein toàn phần (58 g/L) và Albumin (30 g/L) Giảm thấp do mất protein qua nước tiểu (Protein niệu) do tổn thương màng lọc cầu thận; Giảm tổng hợp do tình trạng viêm mạn tính và suy dinh dưỡng ở bệnh nhân suy thận. - Uric acid (530 μmol/L) Tăng cao: Thận suy giảm khả năng đào thải acid uric. - Calcium (1,8 mmol/L) Giảm thấp (Hạ canxi máu): Thận không sản xuất đủ Calcitriol (dạng hoạt động của Vitamin D); Tăng phosphate máu (mặc dù phosphate không có trong bảng này) có thể kéo theo canxi giảm.	0.25
---	------